

Số: 35/KH-THPTMTT

Ngã Năm, ngày 26 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển trường THPT Mai Thanh Thế
giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Ngã Năm nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường THPT Mai Thanh Thế lần thứ IV, nhiệm kỳ 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC
I. ĐẶC ĐIỂM NHÀ TRƯỜNG

Trường THPT Mai Thanh Thế xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, đây là sự tiếp nối của Chiến lược phát triển trường THPT Mai Thanh Thế giai đoạn từ 2018 - 2020 trước đây;

Trường THPT Mai Thanh Thế trước đây là trường THPT Thạnh Trị II, phân hiệu của trường THPT Thạnh Trị. Được thành lập ngày 20 tháng 4 năm 1983 do ông Nguyễn Hữu Nghiệp (Giám đốc Sở Giáo dục Hậu Giang) ký thông báo. Đến năm 1991 trường được ghép thêm trường cấp 2 Ngã Năm và đổi tên thành trường PTTH cấp 2-3 Ngã Năm theo Quyết định số 24/QĐ-TCCB-91, ngày 06 tháng 8 năm 1991. Năm 1993 Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định số 714/QĐ.TCCB.93, ngày 31 tháng 8 năm 1993 đổi tên trường PTTH cấp 2-3 Ngã Năm thành trường PTTH cấp 2-3 Mai Thanh Thế. Đến tháng 10 năm 2011 trường được đổi tên thành trường THPT Mai Thanh Thế theo Quyết định số 391/QĐ.TCCB.01, ngày 11 tháng 10 năm 2001.

Toàn bộ khuôn viên nhà trường có diện tích 5.700 m². Năm 2018, trường được Sở GDĐT quan tâm nâng cấp, sửa chữa và xây mới thêm khu văn phòng hành chính và các phòng thiết bị thí nghiệm. Năm 2019 xây hàng rào bao quanh và làm lại cổng trường.

Năm học 2019 - 2020, trường THPT Mai Thanh Thế được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Sóc Trăng công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

Đảng bộ trường năm 2020 được Thị uỷ Ngã Năm công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ; Công đoàn, Đoàn trường được công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Ngày càng nâng cao được chất lượng dạy và học, đặc biệt hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. Số lượng học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh ngày càng tăng và có học sinh được chọn vào đội tuyển thi học sinh giỏi cấp quốc gia;

Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với nghề, nhiệt tình trong công tác đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của học sinh và xã hội. Đặc biệt là đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, tích cực áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào dạy học; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng dạy và học;

Trên tinh thần đó, trường THPT Mai Thanh Thế xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 nhằm xác định rõ hướng phát triển, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong một giai đoạn nhất định, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hiệu trưởng, cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển trường THPT Mai Thanh Thế là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện tốt kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021- 2025 nhằm phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

II. MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG

1. Điểm mạnh

- Được sự quan tâm đầu tư từ Sở GDĐT, khuôn viên trường được nâng cấp không còn tình trạng ngập úng như những năm trước. Nhà trường trồng thêm nhiều cây xanh tạo cảnh quan môi trường trong lành mát mẻ;

- Đảm bảo về cơ sở vật chất, xây dựng và sửa chữa các dãy phòng học, bổ sung thêm bàn ghế cho học sinh. Có 03 phòng thực hành dạy học - thí nghiệm và 04 phòng tin học, 01 phòng tiếng Anh đáp ứng được nhu cầu dạy và học theo hướng đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- 100% đạt chuẩn, có 22/83 cán bộ, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn chiếm 26,5% và nhiều giáo viên đăng ký đi học trong những năm tiếp theo, dự kiến

mỗi năm có từ 3 đến 5 giáo viên theo học cao học; có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý tốt; được sự tín nhiệm cao của giáo viên, phụ huynh và học sinh.

- Trường có trang web riêng luôn được bảo trì, nâng cấp và cập nhật thông tin đúng, đủ, kịp thời đến toàn thể giáo viên học sinh và phụ huynh.

- Sử dụng phần mềm vnedu trong công tác quản lý học sinh và liên lạc với phụ huynh thông qua tin nhắn điện tử.

- Giáo viên sử dụng các phần mềm soạn giảng, ra đề kiểm tra, chấm trắc nghiệm.

- Đa số học sinh chăm ngoan, tích cực trong học tập và tham gia các hoạt động phong trào; tham gia nhiều cuộc thi do ngành Giáo dục phát động đạt được nhiều thành tích cao.

- Cha mẹ học sinh rất quan tâm chăm lo đến việc học tập và rèn luyện của học sinh, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức và quản lý con em học tập tại nhà

- Được sự hỗ trợ nhiệt tình từ chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị cá nhân, tài trợ học bổng và hỗ trợ phương tiện dụng cụ học tập cho các em.

- Nhà trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý, công khai tài chính minh bạch, rõ ràng, đầy đủ theo đúng quy định.

- Việc chi trả chế độ cho giáo viên và học sinh đúng theo quy định hiện hành;

- Không thu các khoản thu ngoài quy định.

- Có kế hoạch năm, kế hoạch tháng và thực hiện giảng dạy bám sát nội dung trong kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ và nội dung quy định;

- Tỷ lệ học sinh Khá, Giỏi hàng năm trên 50%;

- Trên 70% các lớp học được lắp máy chiếu và ti vi đáp ứng nhu cầu dạy giáo án điện tử của giáo viên.

2. Điểm yếu

- Chưa có nhà thi đấu đa năng, diện tích sân chơi bãi tập hẹp, bàn ghế hội trường chưa được khang trang, chưa đáp ứng được nguyện vọng và nhu cầu sử dụng của giáo viên;

Có đủ số lượng lãnh đạo là 3 người, trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn.

Không có cán bộ chuyên trách và thiếu thiết bị, hóa chất thí nghiệm nên còn hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng thiết bị.

- Chất lượng, hiệu quả dạy và học những năm gần đây có tiến bộ song so với mặt bằng chung vẫn còn thấp, kết quả thi TN THPT và tuyển sinh ĐH-CĐ

chưa ổn định, kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh và quốc gia còn thấp so với các trường lớn trong tỉnh.

- Chưa có sự gắn kết giữa các giáo viên với nhau. Một số ít giáo viên còn chậm, ngại đổi mới phương pháp giảng dạy nên khó khăn trong công tác áp dụng các hình thức đổi mới hoạt động dạy; chưa phát huy hết năng lực của giáo viên; vẫn còn hạn chế giữa một số phần mềm quản lý học sinh và chưa sử dụng tốt hệ thống văn bản điều hành.

- Chất lượng học sinh đầu vào khối 10 còn thấp. Học sinh chủ yếu con em nông dân, địa bàn vùng sâu kinh tế khó khăn nên việc học hành chưa được gia đình chăm lo đúng mức. Bên cạnh những học sinh chịu khó học tập rèn luyện thì còn không ít học sinh chưa nỗ lực trong học tập, phần đầu rèn luyện. Tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm cao trung bình 3% năm. Trong những năm qua chất lượng học sinh khá giỏi tăng cao tuy nhiên tỷ lệ học sinh yếu kém vẫn còn là một con số không nhỏ.

- Vẫn còn một số học sinh cá biệt do cha mẹ đi làm ăn xa không sống chung để giáo dục các em nên vẫn còn chưa có ý thức tự giác trong học tập.

- Một số phụ huynh vẫn chưa quan tâm lắm và chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường để giáo dục học sinh.

- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp chủ yếu là từ ngân sách, chỉ để chi trả lương, không có các khoản thưởng cuối năm.

- Kinh phí phục vụ công tác bồi dưỡng rèn luyện học sinh giỏi còn hạn chế.

- Một số giáo viên còn lúng túng trong việc thực hiện đổi mới phương pháp và kiểm tra đánh giá, thực hiện đổi mới phương pháp chưa đồng bộ;

- Một số bộ môn giáo viên chưa đặt hết tâm huyết và chưa phát huy hết năng lực chuyên môn;

- Học sinh có học lực Yếu - Kém mỗi năm vẫn còn.

3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường

- Chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện và các tiết học thể dục, GDQP và các hoạt động ngoài trời.

- Các tiết dạy thực hành thí nghiệm không phát huy hết khả năng của giáo viên và học sinh.

- Một số giáo viên chưa phát huy tối đa năng lực bản thân nên ảnh hưởng đến sự phát triển chung của tập thể;

- Gặp nhiều khó khăn trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là công tác rèn luyện học sinh giỏi.

Một số hoạt động chưa đạt hiệu quả cao như chất lượng học sinh giỏi, các phong trào tập thể giáo viên tham gia chưa nhiệt tình. Vẫn còn hạn chế giữa một số phần mềm quản lý học sinh và chưa sử dụng tốt hệ thống văn bản điều hành.

- Về chất lượng giáo dục vẫn còn học sinh có học lực yếu, kém và học sinh có hạnh kiểm yếu.

- Sự phối hợp của một số gia đình với nhà trường chưa thật sự chặt chẽ nên còn ảnh hưởng đến kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Kinh tế giáo viên phụ thuộc chủ yếu từ lương, lương thấp ảnh hưởng đến tâm lý và một số giáo viên làm thêm bên ngoài.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, hoạt động ngoại khóa và phong trào của nhà trường còn hạn chế do thiếu kinh phí.

Việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục còn khó khăn.

4. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

4.1. Chất lượng đội ngũ giáo viên

TT	Tổ Chuyên môn	Số lượng GV	Nữ	Trình độ		Đảng viên/Nữ
				Đại học	Thạc sĩ	
1	Toán	14	6	12	3	5
2	Ngữ Văn	8	6	0	6	6
3	Tiếng Anh	8	7	7	0	6
4	Hóa học	6	2	5	1	2
5	Sinh – KTNN	6	4	4	2	4
6	Lý – KTCN	10	4	7	4	4
7	Lịch sử	5	5	4	1	5
8	Địa – GDCCD	5	5	5	0	5
9	Tin học	6	0	4	2	0
10	Thể dục – GDQP	6	1	6	0	1

4.2. Chất lượng đội ngũ Cán bộ quản lý - Nhân viên

Stt	Bộ phận	Số lượng	Nữ	Trình độ				Đảng viên/Nữ
				TC	CĐ	ĐH	Thạc sĩ	
1	Quản lý	03	01			0	03	01

2	Văn thư	01	01	01								01
3	Kế Toán	01	01				01					01
4	Thư viện	01	01	01								01
5	Bảo vệ	02										
6	Phục vụ	01	01									

5. Chất lượng học sinh

5.1. Chất lượng về học lực

Xếp loại học lực năm học 2018-2019

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	11	421	88	20.9	171	40.6	158	37.5	3	1	0	0
11	10	389	107	27.5	150	38.6	124	31.9	8	2	0	
12	10	377	147	39	201	53.3	29	7.7	0	0	0	0
Cộng	31	1187	342	28.8	522	44	311	26.2	11	1	0	0

Xếp loại học lực năm học 2019 - 2020

Khối	Tổng số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	422	137	32,46	164	38,86	101	23,93	20	4,74	0	0
11	388	135	32,22	153	39,43	110	38,25	1	0,26	0	0
12	373	157	42,09	186	49,87	30	8,04	01	0,26	0	0
Cộng	1183	429	36.3	502	42,4	241	20,4	22	1,9	0	0

Xếp loại học lực năm học 2020 -2021

Khối	Tổng số lớp	Tổng số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	10	421	84	20	154	36.5	157	37.3	26	6.2	0	0
11	10	404	133	33	173	42.8	91	22.5	7	1.7		
12	10	388	115	30	211	54.4	58	15	2	0.5	2	0.5

Khối	Tổng số lớp	Tổng số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Cộng	30	1213	332	27.4	538	44.4	306	25.2	35	2.8	2	0.2

5.2. Chất lượng về hạnh kiểm

Xếp loại hạnh kiểm năm học 2018 - 2019

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	11	421	341	81	65	15.4	15	3.6	0	0
11	10	389	324	83.3	53	13.6	12	3.1	0	0
12	10	377	345	91.5	25	6.6	7	1.9	0	0
Cộng	31	1187	1010	85.1	143	12	34	2.9	0	0

Xếp loại hạnh kiểm năm học 2019 - 2020

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
10	422	356	84,36	57	13,51	09	2,13	0	0	
11	388	339	87,37	47	12,11	02	0,52			
12	373	342	91,69	29	7,77	02	0,54	0	0	
Cộng	1183	1.036	87,7	133	11,3	13	1,1	0	0	

Xếp loại hạnh kiểm năm học 2020 -2021

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
10	421	353	83.8	60	14.3	2	0.5	6	1.4
11	404	340	84.1	54	13.4	8	2.0	2	0.5
12	388	343	88.4	38	9.8	3	0.8	4	1.0
Cộng	1213	1036	85.4	152	12.5	13	1.1	12	1.0

6. Cơ sở vật chất

TT	Chỉ danh	Số lượng	Diện tích/Quy cách kỹ thuật/Công năng
1	Phòng học	31	56m ² /phòng kiên cố
2	Văn phòng	01	48m ² /phòng kiên cố
3	Phòng Giáo viên	01	96m ² /phòng kiên cố
4	Phòng Hiệu trưởng	01	56m ² /phòng kiên cố
5	Phòng Phó Hiệu trưởng	01	48m ² /phòng kiên cố
6	Phòng Thí nghiệm chung	03	96m ² /phòng kiên cố
7	Phòng tin học	04	56m ² /phòng kiên cố
8	Phòng PHT- Các Đoàn thể	02	56m ² /phòng kiên cố
9	Phòng Thư viện	01	56m ² /phòng kiên cố
10	Phòng kế toán	01	48m ² /phòng kiên cố
11	Khu vệ sinh GV	02	Xây kiên cố đảm bảo hợp vệ sinh
12	Khu vệ sinh HS	02	Xây kiên cố đảm bảo hợp vệ sinh

III. MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI

1. Cơ chế, chính sách, pháp luật

1.1. Các văn bản quy định của pháp luật

- Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục năm 2009;
- Nghị Quyết số: 19 NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 44/NQ-CP về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW;

- Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ - CP, ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về “Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị Quyết Đại hội lần thứ XIV của tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2020 – 2025;

- Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

1.2. Thuận lợi

- Nhà trường bước đầu đã có sự tin nhiệm của các thế hệ học sinh, CMHS trong khu vực thị xã Ngã Năm và vùng lân cận.

- Đội ngũ cán bộ, hầu hết có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá, tốt.

- Ngã Năm được xác định là một trong những khu vực kinh tế trọng điểm phía Tây của tỉnh Sóc Trăng. Địa phương có nhiều cơ quan, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn. Ngã Năm đã được công nhận là đô thị loại 4 và được công nhận Thị xã. Do vậy, nhu cầu giáo dục chất lượng cao là rất lớn và ngày càng tăng.

1.3. Thách thức

- Cha mẹ học sinh và xã hội đòi hỏi ngày càng cao với nhà trường về chất lượng giáo dục của học sinh, nhất là trong thời kỳ hội nhập, thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong giai đoạn hiện nay.

- Do yêu cầu đổi mới giáo dục, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đòi hỏi ngày càng phải có chất lượng, hiệu quả; nhất là khả năng ứng dụng CNTT, khả năng sáng tạo trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

1.4. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, có đạo đức, lối sống trong sáng, yêu nghề, ham học hỏi, say mê nghiên cứu, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Tăng cường nề nếp kỷ cương trong dạy và học; xây dựng môi trường học tập thân thiện và tích cực, cảnh quan sư phạm và văn hóa ứng xử trong trường học.

- Thực hiện đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo mà trước hết là đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng chuyển từ truyền thụ tri thức một chiều sang phát huy năng lực học sinh.

2. Kinh tế

2.1. Thuận lợi

- Được sự đầu tư của Sở GDĐT và Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm về trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng hoàn thiện, hiện đại... đáp ứng yêu cầu dạy và học;

- Sự tài trợ của các tổ chức kinh tế xã hội đối với nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển giáo dục ngày càng cao hơn.

2.2. Thách thức

- Kinh phí để thực hiện các hoạt động còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu về phát triển các phong trào;

- Chế độ chính sách theo quy định chung chưa phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của nhà trường.

- Nhà trường nằm ngay trung tâm thị xã thuận tiện việc đi lại, nhưng nguy cơ ùng tắc giáo thông và ô nhiễm tiếng ồn là hiện hữu.

2.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Ảnh hưởng đến kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào. Nảy sinh sự so sánh thu nhập của giáo viên trong trường với việc làm thêm bên ngoài trường.

3. Văn hóa

3.1. Thuận lợi

- Tất cả các cán bộ, giáo viên luôn thân thiện, đoàn kết, có ý thức xây dựng nhà trường, tạo bầu không khí dân chủ, hợp tác và tin cậy và hỗ trợ lẫn nhau;

- Có ý chí cầu tiến, tự học cao với mong muốn được đổi mới để phát triển nhà trường;

- Xây dựng tốt môi trường học tập thân thiện, gần gũi không tạo áp lực với học sinh.

3.2. Thách thức

- Sự phát triển mạng internet và các mạng xã hội tràn tác động vào nhà trường ngày càng lớn nên ảnh hưởng đến công tác giáo dục và xây dựng các giá trị văn hóa của nhà trường;

- Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống nên ảnh hưởng không nhỏ đến các quy chuẩn và chuẩn mực của giáo dục và của xã hội.

3.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

Một số ít giáo viên, nhân viên còn chậm phát triển ảnh hưởng đến việc phát triển chung của nhà trường;

4. Xã hội

4.1. Thuận lợi

- Nhận được sự quan tâm cao từ các tổ chức, xã hội trong địa bàn. Kết hợp giáo dục và quản lý học sinh.

- Có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội để nâng cao hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

4.2. Thách thức

Một bộ phận học sinh chưa có sự sàng lọc thông tin trên các trang mạng xã hội, chưa làm chủ được bản thân, đã bị ảnh hưởng nặng nề về chất lượng học tập, rèn luyện và sức khỏe.

4.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

Để giáo dục được học sinh cần phải có sự quan tâm đúng mức và sự phối hợp chặt chẽ của phụ huynh học sinh với nhà trường, nếu không chất lượng giáo dục của nhà trường rất khó đạt được kết quả theo kế hoạch đã đặt ra.

IV. KẾT LUẬN CHUNG

Qua phân tích môi trường bên trong và môi trường bên ngoài, trường THPT Mai Thanh Thế nhận thấy có những thời cơ và thách thức như sau:

1. Về thời cơ

- Nhà trường bước đầu đã có sự tín nhiệm của các thế hệ học sinh, CMHS trong khu vực thị xã Ngã Năm và vùng lân cận.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên hầu hết có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá, tốt.

- Ngã Năm được xác định là một trong những khu vực kinh tế trọng điểm phía Tây của tỉnh Sóc Trăng. Địa phương có nhiều cơ quan, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn. Ngã Năm đã được công nhận là đô thị loại 4 và được công nhận Thị xã. Do vậy, nhu cầu giáo dục chất lượng cao là rất lớn và ngày càng tăng.

- Nhà trường được sự quan tâm của lãnh đạo Sở GDĐT Sóc Trăng, Thị ủy, UBND thị xã Ngã Năm; các ban, ngành của địa phương.

2. Thách thức

- CMHS và xã hội đòi hỏi ngày càng cao với nhà trường về chất lượng giáo dục của học sinh, nhất là trong thời kỳ hội nhập, thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong giai đoạn hiện nay.

- Do yêu cầu đổi mới giáo dục, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đòi hỏi ngày càng phải có chất lượng, hiệu quả; nhất là khả năng ứng dụng CNTT, khả năng sáng tạo trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Các nhà trường cùng các bậc học trong khu vực đã có những bước tiến mạnh mẽ, chất lượng giáo dục sẽ có tốc độ phát triển cao trong thời gian tới.

- Các nhà trường cùng các bậc học trong khu vực đã có những bước tiến mạnh mẽ, chất lượng giáo dục sẽ có tốc độ phát triển cao trong thời gian tới.

- Điều kiện về nguồn lực, về cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo và khát khao cống hiến của một số ít giáo viên, nhân viên.

3. Đánh giá những mặt đạt được và những mặt chưa đạt được trong thực hiện chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2018-2020

3.1. Những mặt đã đạt được

- Hàng năm trên 95% học sinh tốt nghiệp THPT và trên 50% học sinh đậu đại học, cao đẳng trong tổng số học sinh đăng ký xét tuyển;

- Quy mô trường, lớp cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh; Cơ sở vật chất từng bước được đầu tư, môi trường dạy học được cải thiện, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu cho việc đổi mới phương pháp dạy học;

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, gắn bó với trường, với lớp, quan tâm chăm lo cho học sinh; cố gắng để đổi mới phương pháp dạy học, hướng ứng tích cực phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”;

- Nhận được sự quan tâm và phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác hỗ trợ và giáo dục học sinh;

- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn tài lực, thu, chi cụ thể, rõ ràng, đúng quy định của pháp luật, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả;

- Bộ phận đoàn thể thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong công tác quản lý và giáo dục học sinh.

3.2. Một số nội dung chưa đạt được, nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân chủ quan

a. Về học sinh

- Do đặc điểm học sinh ở vùng sâu nên vẫn còn một số em chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học. Một số em còn thụ động, chưa thực sự cố gắng trong học tập, chưa có phương pháp học tập thích hợp, còn học lệch, nên kết quả học tập chưa được nâng cao;

- Nhận thức của phụ huynh đối với việc học tập của con em chưa được đồng bộ, một số phụ huynh quan tâm quá mức buộc con em chọn ngành nghề theo ý cha mẹ, chưa thực sự quan tâm đến năng lực, sở trường, nguyện vọng của các em, nên việc học tập của học sinh đạt hiệu quả chưa cao. Phần lớn các em bị thiếu kiến thức về tính tự học và việc rèn luyện kỹ năng sống, ...

b. Về đội ngũ giáo viên

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên không đồng đều. Một số không nhỏ giáo viên được đào tạo hệ tại chức. Đời sống giáo viên còn không ít khó khăn nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc tự học, tự bồi dưỡng, chậm đổi mới, hiệu quả giáo dục chưa cao, quản lý lớp chưa hiệu quả.

- Trong thực tế giảng dạy vẫn còn nhiều bất cập như thầy cô quen theo lối dạy nhồi nhét kiến thức một chiều. Trong dạy học chưa có sự bao quát, tập trung nhiều cho học sinh khá, giỏi, chưa đầu tư đúng mức bồi dưỡng học sinh yếu kém. Việc tổ chức dạy học còn đơn điệu. Trong kiểm tra đánh giá thì chủ yếu kiểm tra kiến thức kỹ năng, chưa chú ý tới kiểm tra đánh giá phẩm chất và năng lực của người học. Việc tự học và nghiên cứu khoa học của giáo viên chưa mang tính tự giác; việc ứng dụng CNTT trong dạy và học mới dừng ở mức độ phong trào...

- Công tác thi đua, đánh giá phân loại giáo viên chưa đúng thực chất vì vậy nó chưa trở thành động lực kích thích giáo viên phấn đấu.

c. Nhân viên

- Mỗi nhân viên giữ một vị trí công tác khác nhau thực hiện mỗi công việc khác nhau nên hạn chế trong sự giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc;

- Khối lượng công việc vẫn phòng ngày càng nhiều nhưng vị trí việc làm thì ít, chưa đáp ứng các hoạt động trong nhà trường.

d. Cán bộ quản lý và cán bộ cốt cán

- Chưa có những kế hoạch, đề xuất mang tính sáng tạo, đổi mới hiệu quả.

- Nhiều Tổ trưởng chuyên môn chưa đầu tư học nâng cao chuyên môn như học cao học, các lớp chức danh nghề nghiệp hạng II cho giáo viên THPT.

- Chưa tích cực, nhiệt tình trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động do đoàn thể tổ chức.

e. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Diện tích sân chơi bãi tập hẹp nên khó khăn cho việc dạy học các môn Thể dục, GDQP và các hoạt động ngoài trời của học sinh.

- Các thiết bị dạy học hư hỏng nhiều nhưng chưa sửa chữa, bổ sung kịp thời như: máy tính, các thiết bị dạy học khác, ...

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp còn hạn hẹp, hầu hết chủ yếu tập trung để chi trả các chế độ chính sách cho đội ngũ, chưa có nguồn kinh phí dư để đầu tư, mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học.

3.2.2. Nguyên nhân khách quan

- Diện tích nhà trường hẹp, hiện tại chưa có phương án mở rộng vẫn còn đang chờ chủ trương của cấp trên;

- Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự, tài chính, chưa triệt để.

4. Các nội dung chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong giai đoạn 2021-2025

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo có đạo đức, phẩm chất, trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học, đáp ứng nhu cầu vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức. Đảm

bảo đảm giáo viên cho tất cả các môn học và có 30% giáo viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

- Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Đổi mới, xây dựng quy trình hoạt động của công tác Thi đua - Khen thưởng, đánh giá xếp loại đối với giáo viên, nhân viên;

- Tăng cường mối quan hệ và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh;

- Tạo điều kiện để giáo viên học cao học theo quy hoạch và học tự túc đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra đến 2025 có 30% GV có trình độ cao học.

- Đây mạnh phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với phong trào mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo.

- Thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hàng năm của trường, tổ và của mỗi giáo viên; các tổ tăng cường kiểm tra, đánh giá giáo viên theo đúng năng lực và phẩm chất theo chuẩn nghề nghiệp cũng như thi đua để tiến tới tinh giảm biên chế theo đề án thực hiện thông tư 108 về tinh giảm biên chế.

- Tăng quyền tự chủ cho các tổ chuyên môn trong xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình theo tinh thần đổi mới, giảm tải, dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính chủ động tích cực của học sinh trong học tập;

- Tổ chức và tạo điều kiện để mọi giáo viên được tham gia đầy đủ các cuộc thi do ngành phát động, tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, trường học kết nối thảo luận chuyên môn qua mạng; ứng dụng những tiến bộ của CNTT trong dạy và học.

- Xây dựng nhà trường đạt chuẩn cơ quan văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ, quy chế làm việc trong nhà trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao, phát huy năng lực sáng tạo để mỗi học sinh được phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn

Ngôi trường có môi trường giáo dục chất lượng cao của tỉnh, địa chỉ đáng tin cậy để học sinh lựa chọn học tập và rèn luyện, tạo cơ hội cho tất cả mọi

người được phát huy năng lực bản thân trong học tập, rèn luyện để vươn tới đỉnh cao, hội nhập Quốc tế. Phần đầu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Yêu nước	- Tôn trọng truyền thống	- Nhân ái
- Chăm chỉ	- Trách nhiệm	- Hội nhập
- Trung thực	- Đoàn kết	- Nề nếp
- Năng động, sáng tạo	- Thích ứng	- Kỷ cương

4. Phương châm

4.1. Phương châm hành vi, kỹ năng

Xin chào, xin phép, xin lỗi, xin cảm ơn, xin góp ý.

Nhớ chuẩn bị bài tốt nhất trước khi đến lớp;

Đến trường luôn nề nếp, ngăn nắp, sạch đẹp, tiết kiệm, lễ phép.

4.2. Phương châm tổng quát

- Các em hãy tự hào về nhà trường hôm nay, nhà trường sẽ tự hào về các em mai sau.

- Chất lượng giáo dục là danh dự, là uy tín của nhà trường.

5. Mục tiêu

Phần đầu xây dựng nhà trường trở thành trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, trường nằm trong top 5 trường trong tỉnh có học sinh đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng.

C. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

I. Mục tiêu chung

- Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phần đầu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại trong đó chú ý vào hai khâu chính của quá trình dạy học.

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo có đạo đức, phẩm chất, trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học, đáp ứng nhu cầu vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức. Đảm bảo đủ giáo viên cho tất cả các môn học và có 30% giáo viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

- Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm được đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp từ khá giỏi trở lên trong đó có 60% loại giỏi, mỗi năm có 05 giáo viên học cao học đến năm 2025 có 30% cán bộ, giáo viên, nhân viên trên chuẩn.

- Không có cán bộ, giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng tốt máy tính, thành thạo các phần mềm ứng dụng trong soạn giảng và dạy học. Tham gia có hiệu quả trường học kết nối, sinh hoạt chuyên môn qua mạng.

- Tham gia đầy đủ và có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc thi do ngành phát động.

- 100% cán bộ, giáo viên đổi mới phương pháp quản lý, sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, giảng dạy theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

2. Học sinh

- Qui mô:

+ Lớp học: Quy mô từ 32 đến 35 lớp (không quá 45 học sinh/lớp)

+ Học sinh: 1309 đến 1350 học sinh/ năm học.

- Chất lượng học tập:

+ Trên 60% học lực khá, giỏi 25% học lực giỏi)

+ Tỷ lệ học sinh có học lực yếu, kém dưới 2%.

+ Tỷ lệ học sinh TNTHPTQG đạt trên mức trung bình của tỉnh; số lượng học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng trong kỳ thi chung cao hơn tỉ lệ tỉnh.

+ Học sinh giỏi cấp tỉnh đạt tỷ lệ 70%, phần đầu nằm trong top 5 dẫn đầu của tỉnh và có học sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia.

- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống.

+ Chất lượng đạo đức: 95% hạnh kiểm khá, tốt trở lên, không có học sinh xếp loại yếu.

+ Tỷ lệ học sinh giảm không quá 2 %.

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, thực hiện tốt pháp luật Nhà nước.

3. Cơ sở vật chất

Phần đầu đến năm 2025 CSVC đạt yêu cầu của trường THPT tái công nhận chuẩn quốc gia mức độ 1, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ dạy - học nhằm nâng cao hơn chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

- Năm học 2020-2021: xin quy hoạch quỹ đất xây dựng khu nhà thi đấu đa năng, cơ sở vật chất ban đầu.

- Giai đoạn 2: Xin đầu tư thêm để đảm bảo diện tích và cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Xây dựng môi trường sư phạm “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

D. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

I. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh

- Trước hết coi trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho học sinh; xây dựng văn hóa học đường, trường học thân thiện, học sinh tích cực. Từ đó nâng cao nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi của học sinh trong học tập. Giáo dục học sinh niềm say mê học tập và sáng tạo tạo nên một động lực thúc đẩy kết quả học tập và rèn luyện.

-Thực hiện giảng dạy, ôn tập bồi dưỡng học sinh theo hướng phân hóa, đối với học sinh giỏi là nâng cao tạo mũi nhọn về chất lượng, với học sinh yếu là bồi dưỡng để các em lấy lại căn bản để phấn đấu nâng cao dần.

- Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Khắc phục cơ bản tiêu cực trong thi cử, trong dạy thêm học thêm trong nhà trường.

+ Việc đổi mới này phải chuyển từ sự đo lường kết quả bằng điểm số kết quả tiếp thu kiến thức sang đánh giá toàn diện phẩm chất và năng lực học sinh. Phải phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; đánh giá quá trình và đánh giá kết quả; giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS; đánh giá của nhà trường và của gia đình, cộng đồng.

+ Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá: trắc nghiệm, tự luận, giao nhiệm vụ, bài tập cho học sinh.

+ Giáo viên phải xây dựng ma trận đề để ra đề thi phù hợp với đối tượng học sinh. Việc chấm bài, trả bài phải thực hiện nghiêm túc. Phải có giáo án và lưu các đề kiểm tra cũng như nộp cho Tổ trưởng chuyên môn xem xét.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức... . . Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học thông dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động học tập của học sinh. Các phương pháp dạy học thông dụng bao gồm 3 nhóm truyền thống:

- Tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại, đề cao chủ thể nhận thức của học sinh. Các phương pháp dạy học hiện đại như:

- + Khảo sát, điều tra.
- + Thảo luận: thảo luận nhóm, thảo luận nhóm ghép đôi, thảo luận chung toàn lớp.
- + Động não.
- + Tranh luận.
- + Báo cáo (chuẩn bị báo cáo, xây dựng báo cáo, thuyết trình trước lớp).

- Sử dụng phương tiện dạy học theo hướng đề cao vai trò chủ thể nhận thức của học sinh. Phương tiện dạy học và phương pháp dạy học có sự thống nhất hữu cơ với nhau. Bên cạnh các phương pháp dạy học truyền thống như tranh ảnh, hình vẽ, bản đồ, sơ đồ, SGK, các tài liệu tham khảo, mô hình, hiện vật... là những thiết bị kỹ thuật hiện đại trong dạy học như: phim video giáo khoa, máy vi tính, Projector.

Phối hợp các hình thức dạy học một cách linh hoạt:

- Dạy học trong lớp như dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm.
- Dạy học theo lớp; dạy học ngoài lớp như tham quan, khảo sát, ngoại khoá.
- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy năng lực, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học; bám chuẩn kiến thức, kỹ năng.
- Tích cực bồi dưỡng học sinh khá, giỏi; phụ đạo học sinh yếu, kém; ôn, luyện thi TNTHTP Quốc gia chu đáo, đạt hiệu quả cao.

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ

- Tạo điều kiện để giáo viên học cao học theo quy hoạch và học tự túc đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra đến 2025 có 30% GV có trình độ cao học .
- Đẩy mạnh phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với phong trào mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo.
- Thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hàng năm của trường, tổ và của mỗi giáo viên; các tổ tăng cường kiểm tra, đánh giá giáo viên theo đúng năng lực và phẩm chất theo chuẩn nghề nghiệp cũng như thi đua để tiến tới tinh giảm biên chế theo đề án thực hiện thông tư 108 về tinh giảm biên chế.
- Tăng quyền tự chủ cho các tổ chuyên môn trong xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình theo tinh thần đổi mới, giảm tải, dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính chủ động tích cực của học sinh trong học tập;
- Tổ chức và tạo điều kiện để mọi giáo viên được tham gia đầy đủ các cuộc thi do ngành phát động, tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, trường học kết nối thảo luận chuyên môn qua mạng; ứng dụng những tiến bộ của CNTT trong dạy và học.

- Xây dựng nhà trường đạt chuẩn cơ quan văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ, quy chế làm việc trong nhà trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục

- Thường xuyên bảo dưỡng, tu sửa và phát huy tác dụng cơ sở vật chất hiện có; chú trọng xây dựng trường “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

- Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hoá, hiện đại đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Luôn bám theo chuẩn cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn quốc gia để phấn đấu thực hiện trường đạt chuẩn quốc gia. Hướng tới xây dựng nhà trường ngày càng thân thiện, học sinh ngày càng tích cực, chất lượng ngày càng cao.

4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng kho học liệu mở, thư viện điện tử, ngân hàng đề, ứng dụng các phần mềm quản lý vào giảng dạy... Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, CNV tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được máy tính phục vụ cho công việc, có kế hoạch phối hợp với ngân hàng để cho cán bộ, giáo viên, CNV vay mua sắm máy tính cá nhân.

5. Huy động mọi nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục

- Bao gồm toàn bộ lực lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên với năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống của từng người tham gia vào các hoạt động của nhà trường.

- Nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, là vốn quý nhất để phát triển nhà trường. Nhà trường cần có giải pháp tốt nhất để tập hợp, tạo cơ hội cho mọi thành viên của trường phát huy hết khả năng sáng tạo trong hoạt động xây dựng thương hiệu của nhà trường.

- Tranh thủ vận động nguồn lực xã hội hoá giáo dục: Từ cha mẹ học sinh, các thế hệ học sinh, nhà trường; Các thế hệ thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường; từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm có thiện ý với nhà trường.

6. Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình và xã hội

Hàng năm xây dựng quy chế phối hợp giữ nhà trường với ban đại diện cha mẹ học sinh và quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an Phường 1. Đảm bảo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quy chế đã được ký kết.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức theo dõi, kiểm tra đánh giá việc thực hiện

1.1. Nhà trường

- Kế hoạch phát triển nhà trường sau khi được thông qua Hội nghị Đảng bộ, Hội đồng trường sẽ được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan, quan tâm đến nhà trường.

- Thông tin nội dung cơ bản của kế hoạch phát triển nhà trường trên trang website của trường.

- Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường bao gồm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTNCSHCM, các tổ trưởng chuyên môn; nhà trường chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành triển khai thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên và cả tập thể.

1.2. Lộ trình thực hiện: 2 giai đoạn

- **Giai đoạn 1:** Từ năm 2021-2025.

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu trường đạt chuẩn mức độ 2.

- **Giai đoạn 2:** Từ năm 2025-2030.

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

1.3. Nhiệm vụ cụ thể của Thành viên Ban chỉ đạo

1.3.1. Hiệu trưởng

- Căn cứ vào kế hoạch này hàng năm khi xây dựng kế hoạch năm học, Hiệu trưởng cụ thể hóa trong kế hoạch năm học theo từng phân khúc để hoàn thành mục tiêu kế hoạch này trong từng năm học cho đến khi kết thúc vào năm 2025.

- Việc thi hành kế hoạch này là của toàn bộ hệ thống nhà trường vì vậy Hiệu trưởng cần phân công và giao trách nhiệm cụ thể cho các Phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, đoàn trường, nhân viên văn phòng tổ chức thi hành một cách triệt để.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đôn đốc tiến độ. Kết quả thực hiện, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các vấn đề nảy sinh. Có hình thức xử lý kỷ luật và khen thưởng kịp thời đối với những vi phạm và cá nhân có thành tích.

1.3.2. Đối với các Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn

Có trách nhiệm trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy bao gồm nâng cao chất lượng đội ngũ, đổi mới phương pháp giáo dục, đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn... Nhằm đạt các chỉ tiêu về chất lượng đội ngũ về kết quả dạy học .

1.3.3. Đối với Phó hiệu trưởng phụ trách khâu quản lý học sinh

Có trách nhiệm giáo dục và định hướng đề học sinh chủ động, tích cực tham gia học tập và các hoạt động giáo dục khác đạt kết quả cao trong đó tập trung nâng cao chất lượng kết quả học tập và rèn luyện của học sinh giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh yếu kém như trong chỉ tiêu đề ra tại kế hoạch này đồng

thời tăng tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đạt giải tại các kỳ thi do ngành tổ chức, tăng tỷ lệ đậu đại học.

1.3.4. Đối với Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất

Có trách nhiệm hoàn thành mảng công tác do Hiệu trưởng phân công trong đó xây dựng kế hoạch và kiểm tra việc sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất một cách có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. Đảm bảo cơ sở vật chất cho từng hoạt động và có kế hoạch hoàn thiện cơ sở vật chất theo chuẩn và đáp ứng yêu cầu kế hoạch này đúng hạn định.

1.3.5. Đối với các Đoàn thể trong nhà trường

Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nhà trường.

1.3.6. Đối với Tổ trưởng chuyên môn

- Thực hiện tốt vị trí, chức năng và nhiệm vụ của tổ chuyên môn. Hàng năm căn cứ vào kế hoạch của Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ để hiện thực hóa kế hoạch này theo lộ trình từng năm học với mục tiêu cụ thể của từng tổ chuyên môn.

1.3.7. Đối với giáo viên trong nhà trường

- Đối với giáo viên: Phải nghiên cứu kỹ văn bản này, xác định rõ chức trách và nhiệm vụ của mình với vai trò là chủ thể của hoạt động dạy do đó yêu cầu người giáo viên phải:

+ Không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất và đạo đức nhà giáo, hết lòng vì học sinh vì sự phát triển của nhà trường; Tôn trọng và thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật và của ngành.

+ Tự học, tự bồi dưỡng không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các hình thức dạy học gắn liền với đổi mới kiểm tra đánh giá

+ Ứng dụng CNTT trong soạn giáo án, trong dạy học trong kiểm tra đánh giá và quản lý học sinh

+ Tham gia tốt các hoạt động chuyên môn, các phong trào thi đua.

1.3.8. Đối với nhân viên

Tùy chức trách nhiệm vụ và vị trí việc làm mà gương mẫu chấp hành tốt quy định nghề nghiệp hoàn thành nhiệm vụ, tận tâm tận lực phục vụ cho hoạt động của nhà trường.

2. Phương thức kiểm tra, đánh giá

2.1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật của ngành và cấp trên trực tiếp quản lý để điều chỉnh kế hoạch hoạt động của trường đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Luật Giáo dục;
- *Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*
- Kế hoạch chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo của Ngành Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT về Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011 BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư 26/2020/BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011 BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 13/2020/TT BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Sóc Trăng, của Sở GDĐT, của UBND thị xã Ngã Năm về Giáo dục và Đào tạo và các nội dung khác có liên quan đến Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Giải pháp

- Sau mỗi năm học tổ chức kiểm tra, đánh giá lại các chỉ tiêu của Kế hoạch, điều chỉnh các giải pháp để tiếp tục triển khai, thực hiện để Kế hoạch đạt được kết quả như đã đề ra.
- Cuối năm 2025 tổ chức sơ kết giai đoạn 1, xem xét đánh giá những mặt đạt được, những tồn tại, nguyên nhân tồn tại, rút ra bài học kinh nghiệm, điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp tình hình thực tế của nhà trường trong giai đoạn 2.

3. Các cơ sở đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch

3.1. Đối với học sinh

- Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cuối năm; kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông, trúng tuyển đại học, cao đẳng và kết quả các hội thi, cuộc thi để đánh giá.

- Căn cứ kết quả hoạt động phong trào của các cá nhân, các tập thể.

3.2. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức và kết quả thi đua cuối năm học.

- Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi; kết quả phụ đạo học sinh yếu, kém; kết quả học tập của các lớp được phân công phụ trách; kết quả công tác chủ nhiệm lớp.

- Kết quả tham gia các cuộc thi, hội thi, hoạt động ngoại khóa của tổ chuyên môn, của nhà trường.

- Kết quả tham gia các phong trào của các đoàn thể.

Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2021- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 là một văn bản có tác dụng định hướng cho sự xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường đúng hướng trong tương lai; giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý trong từng kế hoạch hàng năm. Thể hiện rõ sự quyết tâm của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường nhằm mục đích xây dựng cho mình một thương hiệu, địa chỉ giáo dục đáng tin cậy. Trong thời kì hội nhập, có nhiều sự thay đổi về kinh tế xã hội kế hoạch chiến lược của nhà trường sẽ có sự điều chỉnh và bổ sung. Tuy nhiên bản kế hoạch phát triển này là cơ sở nền tảng để nhà trường hoạch định chiến lược phát triển giáo dục cho những giai đoạn tiếp theo một cách bền vững./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Sóc Trăng (để báo cáo);
- UBND TX Ngã Năm (để báo cáo);
- Tập thể CB-GV-NV (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngô Quyền

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO